

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04201062	LÊ VĂN BIÊN	02/07/1993	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
2	04200195	HÀ VĂN CẤP	27/08/1991	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
3	04200382	PHẠM CAO CƯỜNG	04/02/1985	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
4	04200860	ĐỖ CAO CƯỜNG	23/11/1981	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
5	04200721	TRẦN SỸ ĐẠT	13/04/1989	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
6	04200405	VŨ DUY ĐOÀN	19/10/1985	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
7	04200893	BÙI ANH ĐỨC	02/01/1984	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
8	04200497	LÊ ANH HIỀN	11/10/1991	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
9	04200314	ĐÀO THANH HUY	27/02/1985	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
10	04200572	BÙI THANH LOAN	11/06/1989	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
11	04200757	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	01/07/1990	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
12	04200877	NGUYỄN THỊ THANH	25/03/1993	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
13	04200930	BÙI VĂN THÀNH	08/08/1988	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
14	04200045	VŨ TRUNG TOÀN	06/08/1989	Chẩn đoán hình ảnh	202A	
15	04200501	TRẦN THỊ PHƯƠNG BÌNH	05/08/1989	Da liễu	202A	
16	04200008	LÊ CÔNG ĐẠT	04/06/1992	Da liễu	202A	
17	04200086	ĐỖ THỊ HOÀI	06/02/1986	Da liễu	202A	
18	04200887	MAI THỊ HUỆ	09/03/1987	Da liễu	202A	
19	04200069	ĐỖ THỊ LỆ	19/12/1991	Da liễu	202A	
20	04200735	LÝ VĂN DŨNG	27/01/1985	Giải phẫu bệnh	202A	
21	04200269	LÊ VĂN BỘ	10/06/1991	Ngoại khoa	202A	
22	04200741	HOÀNG ĐỨC CHINH	13/07/1991	Ngoại khoa	202A	
23	04200717	TRƯƠNG THÁI HÀ	16/05/1990	Ngoại khoa	202A	
24	04200027	NGUYỄN VĂN KIÊN	14/11/1987	Ngoại khoa	202A	
25	04201258	HOÀNG VĂN PHÚC	01/01/1978	Ngoại khoa	202A	
26	04200263	LÊ HUY THẮNG	25/02/1987	Ngoại khoa	202A	
27	04201180	ĐINH NGỌC THẾ	20/09/1992	Ngoại khoa	202A	
28	04200250	ĐINH VĂN THIÊN	12/05/1984	Ngoại khoa	202A	
29	04200656	TRẦN HỮU THÌN	02/10/1978	Nhãn khoa	202A	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
30	04200437	NGUYỄN THU THẢO	30/08/1990	Răng - Hàm - Mặt	202A	
31	04200787	HOÀNG THỊ THU	21/05/1991	Răng - Hàm - Mặt	202A	
32	04200731	HOÀNG DOÃN TOẢN	20/09/1987	Răng - Hàm - Mặt	202A	
33	04200191	DOÃN THỊ DUNG	30/09/1986	Sản phụ khoa	202A	
34	04200995	LÒ THỊ DUYỀN	02/12/1987	Sản phụ khoa	202A	
35	04201008	ĐẶNG THỊ MAI LINH	20/12/1987	Sản phụ khoa	202A	
36	04200407	NGUYỄN TRỌNG TẤN	03/12/1989	Sản phụ khoa	202A	
37	04200111	TRẦN THỊ TÌNH	17/07/1984	Sản phụ khoa	202A	
38	04200033	HÀ VĂN TRUNG	05/08/1988	Sản phụ khoa	202A	
39	04200549	PHẠM THỊ HẢI HÀ	25/02/1992	Tai - Mũi- Họng	202A	
40	04201087	NGUYỄN THỊ THU HÀ	04/12/1992	Tai - Mũi- Họng	202A	
41	04201157	LÊ THỊ HIỀN	13/07/1993	Tai - Mũi- Họng	202A	
42	04200622	VŨ NGỌC SƠN	18/10/1976	Tai - Mũi- Họng	202A	
43	04200596	VŨ HUY KIÊN	08/03/1982	Truyền nhiễm & CBNĐ	202A	
44	04200223	PHẠM LÊ THÀNH	12/02/1987	Ung thư	202A	
45	04200747	NGUYỄN THẾ TRỌNG	06/11/1984	Ung thư	202A	
46	04200196	NGUYỄN THANH TRUNG	22/02/1990	Ung thư	202A	

Tổng số: 46

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04201091	ĐOÀN TUẤN ANH	16/09/1989	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
2	04200016	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	08/08/1992	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
3	04200256	PHẠM THỊ DUNG	16/08/1987	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
4	04200636	CAO SƠN DƯƠNG	20/04/1983	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
5	04200950	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	08/04/1987	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
6	04200551	MAI CHÍ NINH	13/02/1985	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
7	04200350	NGUYỄN THỊ OANH	21/07/1991	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
8	04200696	HOÀNG CAO TÂN	09/05/1991	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
9	04200347	LƯƠNG THỊ THIÊN	25/08/1980	Chẩn đoán hình ảnh	202B	
10	04200837	PHẠM THỊ HUỆ	08/10/1992	Da liễu	202B	
11	04201125	NGÔ THỊ HƯƠNG	27/11/1993	Da liễu	202B	
12	04200187	TỔNG THU HƯƠNG	23/12/1990	Da liễu	202B	
13	04200342	NGUYỄN THU TRANG	02/05/1989	Da liễu	202B	
14	04201039	NGUYỄN HOÀNG GIANG	18/12/1991	Dinh dưỡng	202B	
15	04200539	NGUYỄN THỊ HUYỀN	19/01/1990	Giải phẫu bệnh	202B	
16	04200227	PHẠM HƯƠNG GIANG	20/11/1991	Hóa sinh Y học	202B	
17	04201089	LÊ TUẤN ANH	28/04/1989	Ngoại khoa	202B	
18	04201227	ĐINH TUẤN ĐẠT	27/02/1989	Ngoại khoa	202B	
19	04200216	LÒ VĂN DIỆN	05/03/1989	Ngoại khoa	202B	
20	04201086	LÊ VŨ DƯƠNG	30/05/1990	Ngoại khoa	202B	
21	04200482	TRẦN ĐÌNH DUY	20/09/1990	Ngoại khoa	202B	
22	04200780	NGUYỄN ĐÌNH HỢP	30/05/1984	Ngoại khoa	202B	
23	04200305	DƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	07/08/1989	Nhân khoa	202B	
24	04200511	PHẠM VĂN TRƯỜNG	09/11/1992	Nhân khoa	202B	
25	04200004	LÊ HỒNG DƯƠNG	26/10/1986	Răng - Hàm - Mặt	202B	
26	04200412	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	18/07/1989	Răng - Hàm - Mặt	202B	
27	04200221	BÙI THANH HIẾU	05/10/1986	Răng - Hàm - Mặt	202B	
28	04201064	PHẠM THỊ LAN ANH	16/12/1988	Sản phụ khoa	202B	
29	04200098	BÙI THỊ KIM ANH	28/07/1992	Sản phụ khoa	202B	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
30	04200637	NGUYỄN THU CHANG	26/09/1987	Sản phụ khoa	202B	
31	04201080	HOÀNG THU ĐỜI	20/01/1987	Sản phụ khoa	202B	
32	04200880	VŨ THỊ HẰNG	17/07/1990	Sản phụ khoa	202B	
33	04201079	PHẠM THU QUỲNH	26/06/1991	Sản phụ khoa	202B	
34	04200775	NGUYỄN THỊ THÙY	12/03/1989	Sản phụ khoa	202B	
35	04200665	BẠCH KHÁNH VÂN	18/05/1990	Sản phụ khoa	202B	
36	04201215	LÊ THỊ HẢI VÂN	16/08/1982	Sản phụ khoa	202B	
37	04200047	PHẠM THỊ HẢI YẾN	10/02/1988	Sản phụ khoa	202B	
38	04200924	PHÍ VĨNH HÀ	02/05/1977	Tai - Mũi- Họng	202B	
39	04200161	QUÁCH VIỆT HƯNG	27/07/1992	Tai - Mũi- Họng	202B	
40	04200091	PHẠM THỊ THU HUYỀN	05/07/1991	Tai - Mũi- Họng	202B	
41	04200981	KIỀU THANH QUANG	22/05/1989	Tai - Mũi- Họng	202B	
42	04201105	TRIỆU ĐỨC TOÁN	14/07/1991	Tai - Mũi- Họng	202B	
43	04200244	LÙ THỊ VÂN KHÁNH	06/12/1985	Truyền nhiễm & CBNĐ	202B	
44	04200861	PHÙNG THỊ PHƯƠNG NGỌC	13/10/1993	Truyền nhiễm & CBNĐ	202B	

Tổng số: 44

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200833	NGUYỄN TƯ DUY	02/01/1990	Chẩn đoán hình ảnh	203	
2	04201240	NGUYỄN HUY HOÀNG	25/10/1986	Chẩn đoán hình ảnh	203	
3	04200090	HOÀNG THỊ LOAN	08/03/1992	Chẩn đoán hình ảnh	203	
4	04200035	ĐẶNG VĂN NHUẬN	15/09/1989	Chẩn đoán hình ảnh	203	
5	04200175	TRẦN VĂN PHƯƠNG	05/12/1988	Chẩn đoán hình ảnh	203	
6	04201144	ĐOÀN THANH TÚ	24/05/1983	Chẩn đoán hình ảnh	203	
7	04200114	VŨ THỊ TUYẾT	17/01/1992	Chẩn đoán hình ảnh	203	
8	04200752	PHẠM THUY DƯƠNG	09/02/1992	Da liễu	203	
9	04200577	LÒ THỊ HOA	02/01/1988	Da liễu	203	
10	04200506	NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/01/1993	Da liễu	203	
11	04200945	THÂN THỊ THUỖ LINH	06/07/1992	Da liễu	203	
12	04200906	TẠ DƯƠNG QUYỀN	04/06/1989	Da liễu	203	
13	04200642	ĐỖ THỊ HƯƠNG SEN	03/11/1981	Da liễu	203	
14	04200138	HÀ HUY TOÀN	05/03/1964	Da liễu	203	
15	04201044	NGUYỄN TUẤN PHƯƠNG	14/12/1970	Dinh dưỡng	203	
16	04200895	VŨ QUỲNH NHUNG	18/12/1990	Hóa sinh Y học	203	
17	04201061	BẾ THỊ LY	16/05/1989	Kỹ thuật y học	203	
18	04201201	QUÁCH THỊ TÚ	16/01/1992	Kỹ thuật y học	203	
19	04200681	NGUYỄN VĂN HẢI	20/07/1987	Ngoại khoa	203	
20	04200820	BÙI NGỌC HÂN	11/10/1989	Ngoại khoa	203	
21	04200739	MAI DUY HIỀN	25/10/1991	Ngoại khoa	203	
22	04201023	HOÀNG VĂN HOAN	15/02/1991	Ngoại khoa	203	
23	04201034	NGUYỄN VĂN LINH	04/03/1992	Ngoại khoa	203	
24	04200203	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	10/03/1992	Ngoại khoa	203	
25	04200921	HOÀNG VĂN QUỲNH	28/07/1992	Ngoại khoa	203	
26	04201075	NGUYỄN SƠN TRÀ	03/11/1979	Ngoại khoa	203	
27	04200946	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	24/04/1992	Nhãn khoa	203	
28	04201022	LÂM THU HẠNH	04/10/1988	Nhãn khoa	203	
29	04200286	TRẦN THẾ TÀI	22/07/1987	Nhãn khoa	203	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
30	04200262	VIÊN THỊ THANH TÚ	10/11/1991	Nhãn khoa	203	
31	04201172	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	12/11/1990	Phẫu thuật tạo hình	203	
32	04200978	ĐÌNH QUANG PHÚ	28/09/1993	Răng - Hàm - Mặt	203	
33	04200825	TÔ THỊ NGỌC BÍCH	20/11/1988	Sản phụ khoa	203	
34	04200628	NGÔ THANH DUNG	14/08/1988	Sản phụ khoa	203	
35	04200022	LƯU THỊ HUẾ	14/06/1993	Sản phụ khoa	203	
36	04200655	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	01/09/1992	Sản phụ khoa	203	
37	04200982	LÃ THỊ PHƯƠNG LINH	10/03/1993	Sản phụ khoa	203	
38	04201241	ĐẶNG TIỂU MAI	31/10/1991	Sản phụ khoa	203	
39	04201277	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	10/11/1991	Sản phụ khoa	203	
40	04200371	VŨ VĂN MẠNH	15/02/1991	Sản phụ khoa	203	
41	04200124	ĐỒNG TIẾN NAM	14/09/1993	Sản phụ khoa	203	
42	04200044	HÀ THỊ NGÀ	05/05/1976	Sản phụ khoa	203	
43	04200898	TRẦN THỊ PHƯỢNG	13/05/1988	Sản phụ khoa	203	
44	04200143	TRẦN THỊ SANG	20/08/1980	Sản phụ khoa	203	
45	04201006	TRỊNH THỊ THANH	10/10/1981	Sản phụ khoa	203	
46	04200165	NGUYỄN VĂN TÙNG	24/02/1992	Sản phụ khoa	203	
47	04200819	HÀ HẢI YẾN	03/09/1992	Sản phụ khoa	203	
48	04201135	TRẦN ĐỨC KẾT	16/08/1990	Tai - Mũi - Họng	203	
49	04200349	MAI CÔNG MINH TRÍ	20/11/1991	Tai - Mũi - Họng	203	
50	04200034	NGUYỄN VƯƠNG TÙNG	15/03/1983	Tai - Mũi - Họng	203	
51	04201007	NGUYỄN HUY DƯƠNG	29/04/1987	Truyền nhiễm & CBNĐ	203	
52	04200299	BÙI THỊ HUYỀN	14/09/1987	Truyền nhiễm & CBNĐ	203	
53	04200031	LÊ VĂN CƯỜNG	20/04/1993	Ung thư	203	
54	04200843	NGUYỄN VĂN LAM	09/07/1992	Ung thư	203	
55	04201146	NGUYỄN THÁI SƠN	23/10/1984	Ung thư	203	
56	04200963	TRẦN THỊ TỶ	18/07/1989	Ung thư	203	

Tổng số: 56

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200001	TRIỆU NGỌC BÍCH	10/04/1992	Chẩn đoán hình ảnh	204A	
2	04200508	VŨ MẠNH HÙNG	29/10/1986	Chẩn đoán hình ảnh	204A	
3	04200312	LƯƠNG XUÂN PHONG	18/03/1989	Chẩn đoán hình ảnh	204A	
4	04200260	VŨ XUÂN THẮNG	02/11/1986	Chẩn đoán hình ảnh	204A	
5	04200385	NGUYỄN NGỌC HÂN	03/09/1982	Da liễu	204A	
6	04200352	TRẦN QUỐC PHƯƠNG	15/10/1991	Da liễu	204A	
7	04201170	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	24/08/1982	Da liễu	204A	
8	04200722	HỨA THỊ THANH HIỀN	11/10/1992	Hóa sinh Y học	204A	
9	04200495	LÊ VĂN HOÀNG	12/12/1986	Ngoại khoa	204A	
10	04201213	ĐINH VĂN NGHĨA	28/09/1992	Ngoại khoa	204A	
11	04200005	VŨ CÔNG TÁC	12/09/1990	Ngoại khoa	204A	
12	04200712	NGUYỄN TIẾN THÀNH	05/12/1991	Ngoại khoa	204A	
13	04200231	PHÙNG VĂN TRƯỜNG	13/10/1987	Ngoại khoa	204A	
14	04200155	LA VĂN TUYẾN	09/04/1984	Ngoại khoa	204A	
15	04200448	NGUYỄN THỊ THUYẾT DUNG	31/12/1990	Nhãn khoa	204A	
16	04200241	SẦM THỊ DUYÊN	24/07/1989	Nhãn khoa	204A	
17	04200129	NGUYỄN ĐỨC MINH	19/09/1989	Nhãn khoa	204A	
18	04200834	NGUYỄN LONG QUÂN	11/11/1984	Nhãn khoa	204A	
19	04200669	QUÁCH THỊ YẾN	03/09/1988	Nhãn khoa	204A	
20	04200136	PHẠM THỊ DIỆP	10/02/1989	Răng - Hàm - Mặt	204A	
21	04201050	VŨ THỊ HÒA	25/05/1991	Răng - Hàm - Mặt	204A	
22	04200720	NGUYỄN GIA BẢO	19/07/1991	Sản phụ khoa	204A	
23	04200797	NGUYỄN THỊ BÌNH	03/05/1990	Sản phụ khoa	204A	
24	04200059	HOÀNG TIẾN ĐẠT	12/11/1994	Sản phụ khoa	204A	
25	04200971	TRẦN VĂN ĐÔNG	15/10/1991	Sản phụ khoa	204A	
26	04200699	NGUYỄN MINH HIẾU	15/10/1992	Sản phụ khoa	204A	
27	04200595	TRƯƠNG THU HƯƠNG	23/08/1990	Sản phụ khoa	204A	
28	04200923	PHẠM VĂN LƯỢNG	14/01/1990	Sản phụ khoa	204A	
29	04201066	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	27/03/1989	Sản phụ khoa	204A	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
30	04201148	PHẠM HỒNG QUYẾT	09/11/1985	Sản phụ khoa	204A	
31	04200675	TRIỆU THỊ ĐAN	20/11/1987	Tai - Mũi- Họng	204A	
32	04200583	NGUYỄN MINH ĐỨC	09/05/1988	Tai - Mũi- Họng	204A	
33	04200168	THÂN VĂN GIANG	25/10/1978	Tai - Mũi- Họng	204A	
34	04200664	BÙI THỊ NGỌC	22/12/1989	Tai - Mũi- Họng	204A	
35	04200102	TRẦN THỊ NHUNG	27/08/1982	Tai - Mũi- Họng	204A	
36	04200076	LÊ HUY QUYẾT	20/08/1989	Truyền nhiễm & CBNĐ	204A	
37	04200617	HOÀNG VĂN ÂN	01/05/1990	Ung thư	204A	
38	04200294	NGUYỄN TỬ THÀNH ĐẠT	27/09/1993	Ung thư	204A	
39	04200630	PHẠM VĂN CẢNH	27/02/1987	Ung thư	204A	
40	04200888	TRẦN THỊ LY LY	05/05/1985	Y tế công cộng	204A	

Tổng số: 40

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200518	PHẠM THỊ THU HÀ	08/09/1993	Chẩn đoán hình ảnh	204B	
2	04201166	ĐINH XUÂN HIẾU	13/08/1989	Chẩn đoán hình ảnh	204B	
3	04201232	NGUYỄN VĂN HÙNG	10/06/1990	Chẩn đoán hình ảnh	204B	
4	04200464	CAO HOÀNG KHÔI	20/02/1987	Chẩn đoán hình ảnh	204B	
5	04200381	VÕ ĐỨC THỊNH	19/03/1988	Chẩn đoán hình ảnh	204B	
6	04200137	NGUYỄN THỊ HẬU	20/04/1993	Da liễu	204B	
7	04200905	NGUYỄN CÔNG HÒA	19/10/1971	Da liễu	204B	
8	04201177	LƯƠNG MẠNH CƯỜNG	27/11/1989	Ngoại khoa	204B	
9	04200633	NGUYỄN ĐÔN DŨNG	10/10/1992	Ngoại khoa	204B	
10	04200271	ĐỖ XUÂN HOÀNG	20/06/1989	Ngoại khoa	204B	
11	04200763	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG NGHĨA	08/01/1993	Ngoại khoa	204B	
12	04200474	TRƯƠNG VĂN PHI	06/06/1988	Ngoại khoa	204B	
13	04200919	TRỊNH XUÂN QUÂN	05/05/1990	Ngoại khoa	204B	
14	04201147	NGUYỄN MẠNH THẮNG	27/02/1992	Ngoại khoa	204B	
15	04200621	ĐOÀN XUÂN THẮNG	06/03/1988	Ngoại khoa	204B	
16	04200590	NGUYỄN KHẮC THƯỜNG	12/03/1990	Ngoại khoa	204B	
17	04201149	HOÀNG VŨ BẢO	27/12/1989	Nhãn khoa	204B	
18	04200249	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄN	05/01/1990	Nhãn khoa	204B	
19	04200708	NGUYỄN VIỆT THỨC	29/04/1984	Nhãn khoa	204B	
20	04200855	HOÀNG VĂN TUẤN	16/07/1983	Nhãn khoa	204B	
21	04200977	PHAN MINH THẠCH	10/05/1989	Răng - Hàm - Mặt	204B	
22	04200122	NGUYỄN TRẦN TIẾN	04/07/1991	Răng - Hàm - Mặt	204B	
23	04200674	PHAN QUANG ANH	25/05/1991	Sản phụ khoa	204B	
24	04200189	LÊ THỊ MINH CHÂU	22/05/1989	Sản phụ khoa	204B	
25	04200804	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC	06/12/1989	Sản phụ khoa	204B	
26	04201033	ĐÀO THỊ TIẾP	19/05/1985	Sản phụ khoa	204B	
27	04200152	ĐỖ HUYỀN TRANG	27/11/1986	Sản phụ khoa	204B	
28	04200749	LÊ THỊ XIÊM	27/10/1980	Sản phụ khoa	204B	
29	04200288	NGUYỄN HOÀI AN	20/10/1984	Tai - Mũi - Họng	204B	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
30	04201082	VÌ MAI ANH	17/08/1989	Tai - Mũi- Họng	204B	
31	04200404	PHẠM ĐÌNH ĐẮC	16/07/1991	Tai - Mũi- Họng	204B	
32	04200287	PHẠM XUÂN HOAN	22/04/1982	Tai - Mũi- Họng	204B	
33	04200078	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	13/02/1987	Tai - Mũi- Họng	204B	
34	04200160	VŨ THỊ THÙY LINH	27/01/1985	Tai - Mũi- Họng	204B	
35	04200629	ĐẶNG HẢI NHÂN	02/05/1989	Tai - Mũi- Họng	204B	
36	04200625	TẠ VĂN QUYỀN	01/10/1980	Tai - Mũi- Họng	204B	
37	04200127	CHÂU THỊ THỦY	10/11/1988	Tai - Mũi- Họng	204B	
38	04201223	ĐẶNG QUANG TUẤN	10/06/1991	Tai - Mũi- Họng	204B	
39	04201199	LƯƠNG XUÂN BIỆN	11/03/1992	Truyền nhiễm & CBNĐ	204B	
40	04201278	HOÀNG VĂN ĐOÀN	18/04/1984	Truyền nhiễm & CBNĐ	204B	

Tổng số: 40

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200067	DƯƠNG VĂN CHIẾN	06/01/1990	Chẩn đoán hình ảnh	301A	
2	04200126	NGUYỄN QUỐC CÔNG	19/05/1983	Chẩn đoán hình ảnh	301A	
3	04200068	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	10/09/1992	Chẩn đoán hình ảnh	301A	
4	04200997	TRƯƠNG QUANG HƯNG	13/09/1990	Chẩn đoán hình ảnh	301A	
5	04201225	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	23/03/1992	Da liễu	301A	
6	04200206	BÙI THỊ THANH THUỶ	25/06/1992	Da liễu	301A	
7	04201131	NGUYỄN THANH TÙNG	04/10/1989	Da liễu	301A	
8	04200531	NGUYỄN THỊ NGỌC	24/01/1993	Hóa sinh Y học	301A	
9	04200444	CHU THỊ HẰNG	01/10/1986	Kỹ thuật y học	301A	
10	04200110	NGUYỄN THẾ TÙNG	13/09/1996	Kỹ thuật y học	301A	
11	04200366	NGÔ QUANG CHINH	05/03/1992	Ngoại khoa	301A	
12	04201235	NGUYỄN TIẾN THÀNH	06/10/1991	Ngoại khoa	301A	
13	04200096	ĐINH CÔNG TUYẾN	09/04/1990	Ngoại khoa	301A	
14	04200991	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	21/01/1988	Nhãn khoa	301A	
15	04200145	TẠ THỊ HUỆ	16/12/1983	Nhãn khoa	301A	
16	04200816	TRỊNH VĂN TRUNG	01/05/1984	Nhãn khoa	301A	
17	04200904	NGÔ BẢO CHUNG	12/03/1992	Răng - Hàm - Mặt	301A	
18	04200142	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	31/03/1989	Răng - Hàm - Mặt	301A	
19	04200496	NGUYỄN HỮU CÔNG	01/05/1992	Sản phụ khoa	301A	
20	04200421	LỤC THỊ HỢP	10/04/1989	Sản phụ khoa	301A	
21	04200229	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	09/12/1990	Sản phụ khoa	301A	
22	04200442	NGUYỄN NGỌC YÊN	02/12/1981	Sản phụ khoa	301A	
23	04200859	PHẠM THUỶ CHUNG	26/11/1990	Tai - Mũi- Họng	301A	
24	04200092	ĐÀM THANH HIẾU	15/09/1988	Tai - Mũi- Họng	301A	
25	04200710	BÙI THANH HÙNG	02/04/1985	Tai - Mũi- Họng	301A	
26	04200341	HOÀNG THỊ THANH LOAN	12/09/1990	Truyền nhiễm & CBNĐ	301A	
27	04200018	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	02/02/1990	Ung thư	301A	
28	04200333	TRẦN BÙI TRỌNG THANH	24/05/1984	Ung thư	301A	

Tổng số: 28

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04201270	BÙI HẢI DƯƠNG	10/02/1993	Chẩn đoán hình ảnh	301B	
2	04200163	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	29/12/1989	Chẩn đoán hình ảnh	301B	
3	04200835	NGUYỄN TRUNG PHONG	31/01/1985	Chẩn đoán hình ảnh	301B	
4	04200759	BẾ THỊ MINH QUỲNH	14/07/1993	Chẩn đoán hình ảnh	301B	
5	04200240	NGUYỄN HỒ TÀI	06/05/1982	Chẩn đoán hình ảnh	301B	
6	04200290	NGUYỄN ANH TUẤN	30/05/1978	Chẩn đoán hình ảnh	301B	
7	04200938	LÊ QUANG VŨ	17/07/1988	Chẩn đoán hình ảnh	301B	
8	04200374	TẠ THỊ CHÀ	16/09/1991	Da liễu	301B	
9	04201171	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	18/03/1994	Da liễu	301B	
10	04201276	CƯ LÀN	04/03/1979	Da liễu	301B	
11	04201229	LƯƠNG THỊ THỦY TIÊN	30/03/1992	Da liễu	301B	
12	04200038	TRẦN NGỌC ANH	18/06/1992	Giải phẫu bệnh	301B	
13	04200243	DƯƠNG THỊ BÍCH	20/08/1990	Kỹ thuật y học	301B	
14	04200015	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	10/09/1990	Ngoại khoa	301B	
15	04200148	VŨ THÀNH ĐẠT	25/02/1990	Ngoại khoa	301B	
16	04201136	ÂU TRUNG KHÁNH	12/07/1990	Ngoại khoa	301B	
17	04200036	NGUYỄN VĂN THU	04/10/1991	Ngoại khoa	301B	
18	04200958	ĐỖ MẠNH TIẾN	10/11/1989	Ngoại khoa	301B	
19	04200718	TRẦN THỊ HUỆ	20/11/1990	Nhãn khoa	301B	
20	04200765	NGUYỄN ĐÌNH NAM	29/07/1993	Nhãn khoa	301B	
21	04200081	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	05/11/1991	Nhãn khoa	301B	
22	04201106	TẠ THỊ THU HƯƠNG	12/08/1991	Răng - Hàm - Mặt	301B	
23	04200795	HOÀNG QUỲNH NHUNG	26/09/1991	Sản phụ khoa	301B	
24	04200571	ĐÀO THỊ PHƯỢNG	29/06/1986	Sản phụ khoa	301B	
25	04200844	PHẠM VĂN QUANG	20/06/1991	Sản phụ khoa	301B	
26	04200707	PHẠM DUY THÀNH	14/06/1993	Sản phụ khoa	301B	
27	04200355	ĐÀO VĂN ĐẠT	20/03/1989	Tai - Mũi - Họng	301B	
28	04200089	NGUYỄN CHÂU HƯNG	26/11/1982	Tai - Mũi - Họng	301B	

Tổng số: 28

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200932	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	21/11/1988	Chẩn đoán hình ảnh	302A	
2	04200533	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	07/11/1984	Chẩn đoán hình ảnh	302A	
3	04200702	TÔ THỊ NHÀN	10/10/1991	Chẩn đoán hình ảnh	302A	
4	04200157	NGUYỄN THỊ THỦY	20/10/1991	Chẩn đoán hình ảnh	302A	
5	04200616	NGUYỄN THỊ HÒA TRANG	20/01/1986	Chẩn đoán hình ảnh	302A	
6	04200465	MAI THỊ HUYỀN	06/05/1982	Da liễu	302A	
7	04200277	PHẠM TRIỆU NAM	14/07/1993	Da liễu	302A	
8	04200459	NGUYỄN THỊ HƯỚNG	29/03/1997	Kỹ thuật y học	302A	
9	04200007	TRẦN QUỐC ĐẠI	20/05/1985	Ngoại khoa	302A	
10	04201162	PHẠM VĂN ĐẠO	10/10/1990	Ngoại khoa	302A	
11	04200017	TRẦN TRUNG HỘI	25/12/1992	Ngoại khoa	302A	
12	04200635	PHAN XUÂN LẬP	01/09/1992	Ngoại khoa	302A	
13	04200362	BÙI TIẾN TUÂN	30/07/1991	Ngoại khoa	302A	
14	04200767	NGUYỄN ANH TUẤN	13/04/1990	Ngoại khoa	302A	
15	04201026	DƯƠNG TUẤN MẠNH	05/11/1991	Phẫu thuật tạo hình	302A	
16	04200715	NGUYỄN TIẾN DŨNG	28/07/1989	Sản phụ khoa	302A	
17	04200117	NGUYỄN THU HẰNG	22/12/1990	Sản phụ khoa	302A	
18	04201116	LÊ THỊ PHƯƠNG THANH	14/10/1992	Sản phụ khoa	302A	
19	04200534	NGUYỄN THỊ THÊM	20/02/1989	Sản phụ khoa	302A	
20	04201031	NGUYỄN VĂN THƯ	14/09/1990	Sản phụ khoa	302A	
21	04200170	HÀ THỊ THANH TỊNH	26/10/1989	Sản phụ khoa	302A	
22	04200052	TRẦN VĂN TRƯỜNG	08/02/1990	Sản phụ khoa	302A	
23	04200344	VŨ THỊ MINH HẰNG	20/12/1992	Tai - Mũi - Họng	302A	
24	04200541	BÙI THỊ MY NA	10/01/1987	Tai - Mũi - Họng	302A	
25	04200631	ĐINH THỊ THỦY	16/02/1989	Tai - Mũi - Họng	302A	
26	04200943	HOÀNG QUANG TRỌNG	31/10/1992	Tai - Mũi - Họng	302A	
27	04200306	NGUYỄN THỊ TUYẾT	20/01/1989	Tai - Mũi - Họng	302A	
28	04200040	LÊ THỊ DỰ	10/02/1989	Ung thư	302A	
29	04200408	LÊ ANH TUẤN	02/10/1991	Ung thư	302A	

Tổng số: 29

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04201194	NGUYỄN THÀNH CHÍ	02/11/1993	Chẩn đoán hình ảnh	302B	
2	04200130	LÊ THỊ THÙY DUNG	30/08/1987	Chẩn đoán hình ảnh	302B	
3	04201210	BÙI THỊ TÂM	14/02/1993	Chẩn đoán hình ảnh	302B	
4	04200750	VŨ TUYẾT TRINH	09/06/1990	Chẩn đoán hình ảnh	302B	
5	04200920	LÊ QUANG TRƯỜNG	06/11/1989	Chẩn đoán hình ảnh	302B	
6	04200563	TẠ VĂN DOÓNG	23/05/1978	Da liễu	302B	
7	04200829	BÙI THỊ NGÀ	28/03/1991	Da liễu	302B	
8	04201237	LƯƠNG THỊ SAO THU PHƯƠNG	19/07/1991	Da liễu	302B	
9	04200093	HÀ THỊ THANH MAI	20/04/1992	Hóa sinh Y học	302B	
10	04201163	MAI THỊ THUỶ	30/09/1992	Kỹ thuật y học	302B	
11	04200323	THẠCH VĂN CHẤT	10/10/1992	Ngoại khoa	302B	
12	04200992	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	09/11/1992	Ngoại khoa	302B	
13	04200968	NGUYỄN VĂN HÀ	02/01/1986	Ngoại khoa	302B	
14	04201226	CAO THỊNH HUY	09/05/1993	Ngoại khoa	302B	
15	04200672	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	03/08/1990	Ngoại khoa	302B	
16	04200526	LÊ VĂN THƯƠNG	06/02/1992	Ngoại khoa	302B	
17	04200592	KHUẤT THỊ HUỆ MAI	18/07/1987	Nhãn khoa	302B	
18	04200423	VŨ THỊ MINH THÚY	07/04/1989	Nhãn khoa	302B	
19	04200414	KIM THỊ THỦY	07/02/1992	Nhãn khoa	302B	
20	04200030	ĐẶNG VĂN ANH	27/05/1990	Răng - Hàm - Mặt	302B	
21	04200012	LÊ TUẤN HIỆP	26/07/1991	Răng - Hàm - Mặt	302B	
22	04200634	PHẠM THỊ VÂN	20/08/1987	Răng - Hàm - Mặt	302B	
23	04201040	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	05/07/1982	Sản phụ khoa	302B	
24	04200648	PHẠM THỊ ĐÀO	01/02/1987	Sản phụ khoa	302B	
25	04200917	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	28/10/1989	Sản phụ khoa	302B	
26	04200593	ĐINH VŨ KIÊN	26/11/1985	Sản phụ khoa	302B	
27	04201049	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	06/07/1991	Sản phụ khoa	302B	
28	04200907	VŨ THỊ PHƯƠNG	06/03/1990	Sản phụ khoa	302B	
29	04201128	TRẦN VĂN TUÂN	13/10/1993	Sản phụ khoa	302B	
30	04200006	PHẠM THIÊN TRUNG	26/11/1993	Tai - Mũi - Họng	302B	

Tổng số: 30

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200764	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	07/11/1985	Chẩn đoán hình ảnh	303A	
2	04200947	NGUYỄN THỊ THÚY HẠNH	12/05/1985	Chẩn đoán hình ảnh	303A	
3	04200209	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	03/09/1983	Chẩn đoán hình ảnh	303A	
4	04200228	BÙI HẢI NGỌC	13/08/1991	Chẩn đoán hình ảnh	303A	
5	04200587	LÊ VĂN TÁM	02/09/1978	Chẩn đoán hình ảnh	303A	
6	04200440	NGUYỄN THỊ THU HÀ	10/07/1993	Da liễu	303A	
7	04201070	TRỊNH THỊ HOA	12/08/1988	Da liễu	303A	
8	04201245	NINH TRUNG NGHĨA	17/12/1992	Giải phẫu bệnh	303A	
9	04200618	NGUYỄN ÍCH VIỆT	27/06/1989	Kỹ thuật y học	303A	
10	04200769	NGUYỄN VĂN BÌNH	21/12/1991	Ngoại khoa	303A	
11	04200799	HOÀNG VĂN CÔNG	28/08/1992	Ngoại khoa	303A	
12	04200174	NGUYỄN VĂN DUY	03/01/1991	Ngoại khoa	303A	
13	04200897	TRẦN VĂN KIẾN	15/07/1992	Ngoại khoa	303A	
14	04201182	NGUYỄN KIM NGHĨA	09/10/1991	Ngoại khoa	303A	
15	04200330	NGUYỄN NGỌC SƠN	01/10/1992	Ngoại khoa	303A	
16	04200865	MAI XUÂN TƯỜNG	05/07/1989	Ngoại khoa	303A	
17	04200957	NGÔ THỊ TÔ HOÀI	12/05/1985	Nhãn khoa	303A	
18	04201133	TRỊNH ĐỨC HUY	06/01/1992	Nhãn khoa	303A	
19	04200728	LÊ HOÀNG THẮNG	18/11/1993	Nhãn khoa	303A	
20	04201099	ĐINH HỒNG ĐĂNG	10/08/1989	Răng - Hàm - Mặt	303A	
21	04201004	TRƯƠNG HỮU NINH	25/03/1971	Răng - Hàm - Mặt	303A	
22	04200491	ĐÀO NGỌC HƯNG	27/11/1989	Sản phụ khoa	303A	
23	04200564	LƯU THỊ HỒNG PHƯỢNG	25/04/1987	Sản phụ khoa	303A	
24	04200153	NGUYỄN HẢI BẰNG	05/08/1993	Tai - Mũi - Họng	303A	
25	04200197	NGUYỄN TIẾN DŨNG	10/01/1976	Tai - Mũi - Họng	303A	
26	04200406	BÙI THỊ KHÁNH HÒA	04/10/1990	Tai - Mũi - Họng	303A	
27	04200892	VŨ THỊ MINH HUỆ	17/01/1981	Tai - Mũi - Họng	303A	
28	04200293	QUẢNG VĂN THƯỜNG	25/04/1980	Tai - Mũi - Họng	303A	
29	04200211	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	23/04/1992	Truyền nhiễm & CBNĐ	303A	
30	04200839	ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	13/11/1993	Ung thư	303A	

Tổng số: 30

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200645	TÔ THỊ PHƯƠNG ANH	15/03/1962	Chẩn đoán hình ảnh	303B	
2	04200954	CHU NGUYỄN HẢI	14/07/1984	Chẩn đoán hình ảnh	303B	
3	04200552	LÊ XUÂN KHÁNH	15/04/1987	Chẩn đoán hình ảnh	303B	
4	04200064	HOÀNG DUY QUYẾT	17/05/1990	Chẩn đoán hình ảnh	303B	
5	04200094	NGUYỄN QUANG TRỌNG	02/09/1988	Chẩn đoán hình ảnh	303B	
6	04200115	LÊ THỊ THU DUNG	27/06/1988	Da liễu	303B	
7	04200215	NGUYỄN THỊ HOÀI	20/04/1989	Da liễu	303B	
8	04200871	ĐÀM MAI LINH	19/08/1993	Da liễu	303B	
9	04201181	NGŨ THỊ THẨM	13/08/1993	Da liễu	303B	
10	04200480	VŨ VĂN LẠI	04/09/1986	Giải phẫu bệnh	303B	
11	04200679	NGUYỄN THỊ QUÊ	05/04/1989	Hóa sinh Y học	303B	
12	04201084	VŨ THỊ THU HẢO	05/11/1983	Kỹ thuật y học	303B	
13	04201153	PHAN VĂN ĐẠT	24/10/1993	Ngoại khoa	303B	
14	04200340	DƯƠNG ĐỨC PHÚC	28/11/1991	Ngoại khoa	303B	
15	04200461	BÙI VĂN QUẢNG	14/06/1987	Ngoại khoa	303B	
16	04201115	HOÀNG NGỌC SƠN	30/10/1992	Ngoại khoa	303B	
17	04201072	ĐẶNG VĂN TỔNG	01/04/1984	Ngoại khoa	303B	
18	04200345	BÙI THỊ HẢI HÀ	15/08/1985	Nhãn khoa	303B	
19	04201173	ĐỖ HOÀNG VIỆT	08/08/1990	Răng - Hàm - Mặt	303B	
20	04200109	NGUYỄN VĂN SƠN	16/11/1991	Sản phụ khoa	303B	
21	04200578	TRẦN VĂN ĐIẾP	04/11/1983	Tai - Mũi - Họng	303B	
22	04200743	HÀ VĂN ĐOAN	31/03/1990	Tai - Mũi - Họng	303B	
23	04200761	BÙI VĂN NGHIÊM	19/09/1986	Tai - Mũi - Họng	303B	
24	04200278	LƯU CÔNG QUANG	23/12/1986	Tai - Mũi - Họng	303B	
25	04200881	ĐẶNG QUANG THỌ	20/09/1987	Tai - Mũi - Họng	303B	
26	04200778	NGUYỄN VĂN SƠN	23/10/1993	Ung thư	303B	
27	04200397	TRẦN THỊ VÂN THANH	08/04/1990	Ung thư	303B	
28	04200760	VŨ MINH TIẾN	10/09/1992	Ung thư	303B	
29	04201151	ĐỖ MẠNH HÙNG	16/08/1973	Y học dự phòng	303B	
30	04201101	ÂU THỊ NHÂM	30/04/1993	Y học dự phòng	303B	

Tổng số: 30

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200079	MAI THẾ ĐĂNG	10/07/1983	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
2	04201224	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	22/01/1989	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
3	04200650	VŨ THỊ HỒNG	23/07/1991	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
4	04200886	NGUYỄN THIỆU KHOA	08/07/1982	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
5	04200864	NGUYỄN TIẾN MẠNH	29/04/1991	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
6	04200369	NGUYỄN CHÍ THANH	18/03/1986	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
7	04200713	NGUYỄN VĂN THUẬN	19/07/1991	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
8	04201234	TRẦN CÔNG TIẾN	15/08/1971	Chẩn đoán hình ảnh	304A	
9	04200368	NGUYỄN HẢI AN	11/11/1991	Da liễu	304A	
10	04200560	NGUYỄN MẠNH QUÂN	03/01/1989	Giải phẫu bệnh	304A	
11	04200796	LÊ BÁ ĐẠT	07/11/1988	Hóa sinh Y học	304A	
12	04200373	HÀ THỊ HƯƠNG TRANG	15/08/1990	Hóa sinh Y học	304A	
13	04201218	HOÀNG THỊ TÍN	07/02/1985	Kỹ thuật y học	304A	
14	04201059	LÊ ĐỨC ANH	06/02/1992	Ngoại khoa	304A	
15	04200695	CÀ VĂN CƯƠNG	21/11/1983	Ngoại khoa	304A	
16	04200558	NGUYỄN ĐĂNG HÀO	30/06/1990	Ngoại khoa	304A	
17	04200498	LÊ VĂN QUÂN	14/06/1981	Ngoại khoa	304A	
18	04200354	TÔ HẢI KHIÊM	19/11/1983	Nhãn khoa	304A	
19	04200848	BẾ THỊ LINH	26/11/1985	Nhãn khoa	304A	
20	04200952	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	18/03/1990	Răng - Hàm - Mặt	304A	
21	04200395	NGÔ THANH DIỆN	30/04/1993	Sản phụ khoa	304A	
22	04200670	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	26/11/1991	Sản phụ khoa	304A	
23	04200899	HÀ VĂN NHẬP	27/07/1988	Sản phụ khoa	304A	
24	04201152	LƯỜNG THỊ NHUNG	12/02/1988	Sản phụ khoa	304A	
25	04200439	ĐỖ VĂN THẢO	28/12/1993	Sản phụ khoa	304A	
26	04200885	NGUYỄN THỊ TƯƠI	04/03/1990	Sản phụ khoa	304A	
27	04200190	NGUYỄN VĂN GIÁP	03/09/1986	Tai - Mũi - Họng	304A	
28	04200051	LÊ THỊ HIỀN HÀ	14/01/1992	Tai - Mũi - Họng	304A	
29	04200627	VŨ QUANG HÀ	04/05/1992	Tai - Mũi - Họng	304A	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
30	04200311	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	14/12/1992	Tai - Mũi- Họng	304A	
31	04201014	PHÙNG TIẾN MẠNH	09/06/1990	Tai - Mũi- Họng	304A	
32	04200324	LÝ THỊ GIANG	18/08/1979	Truyền nhiễm & CBNĐ	304A	
33	04201114	SÔNG A PHỆNH	08/05/1978	Truyền nhiễm & CBNĐ	304A	
34	04201137	TRIỆU THỊ TUYỀN	08/10/1986	Truyền nhiễm & CBNĐ	304A	
35	04201011	DOÃN CHIẾN THẮNG	09/12/1991	Ung thư	304A	
36	04200141	PHẠM THỊ THỦY	25/09/1986	Ung thư	304A	
37	04200818	VŨ THỊ TƯƠI	20/10/1991	Ung thư	304A	

Tổng số: 37

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04201164	NGUYỄN THỊ BÁCH	01/02/1990	Chẩn đoán hình ảnh	401A	
2	04200403	BÙI VĂN ĐANG	10/06/1991	Chẩn đoán hình ảnh	401A	
3	04200070	LÊ ĐẠI HẢI	05/11/1992	Chẩn đoán hình ảnh	401A	
4	04201186	HOÀNG THỊ XUÂN MINH	15/11/1983	Chẩn đoán hình ảnh	401A	
5	04200489	NGUYỄN ANH TUẤN	04/08/1987	Chẩn đoán hình ảnh	401A	
6	04200409	LƯỜNG NGỌC MẠNH	18/09/1987	Da liễu	401A	
7	04201272	KHÚC TIẾN DŨNG	14/02/1993	Kỹ thuật y học	401A	
8	04201037	NGUYỄN VĂN BÁCH	09/03/1993	Ngoại khoa	401A	
9	04200714	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	30/09/1990	Ngoại khoa	401A	
10	04200054	NGUYỄN CHÂN HOÀNG	28/03/1993	Ngoại khoa	401A	
11	04200222	NGUYỄN VĂN HÙNG	09/04/1991	Ngoại khoa	401A	
12	04201281	TRẦN ĐẠI NGHĨA	26/06/1987	Ngoại khoa	401A	
13	04201255	BÙI VĂN THỊNH	22/12/1992	Ngoại khoa	401A	
14	04200077	HOÀNG ANH TÚ	25/07/1989	Ngoại khoa	401A	
15	04200493	MA KHÁNH VĨNH	26/11/1992	Ngoại khoa	401A	
16	04200099	ĐỖ HÒ MAI HOÀNG	12/05/1991	Nhãn khoa	401A	
17	04200605	NGUYỄN VĂN THẮNG	28/11/1985	Nhãn khoa	401A	
18	04200788	LƯƠNG GIANG ĐỨC	05/01/1992	Phẫu thuật tạo hình	401A	
19	04200453	LƯƠNG THỊ THUỶ	01/11/1988	Răng - Hàm - Mặt	401A	
20	04200113	BÙI THỊ HOÀ	24/12/1987	Sản phụ khoa	401A	
21	04200436	TRƯƠNG THỊ THANH HƯỜNG	20/05/1991	Sản phụ khoa	401A	
22	04200523	NGUYỄN PHI THẮNG	28/01/1990	Sản phụ khoa	401A	
23	04200619	HOÀNG THỊ HỒNG TRANG	13/03/1992	Sản phụ khoa	401A	
24	04201054	HOÀNG THỊ HƯƠNG	26/03/1988	Tai - Mũi - Họng	401A	
25	04200100	LÊ VĂN KHUÊ	24/10/1988	Tai - Mũi - Họng	401A	
26	04201160	NGUYỄN THỊ KHÁNH NINH	10/11/1988	Tai - Mũi - Họng	401A	
27	04200874	LÊ THỊ TÌNH	01/07/1992	Truyền nhiễm & CBNĐ	401A	
28	04200300	BÙI THỊ NHẠN	22/07/1988	Ung thư	401A	
29	04200289	NGUYỄN THỊ LÊ	10/02/1983	Vĩ sinh y học	401A	

Tổng số: 29

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200002	TRẦN VIỆT ĐỨC	06/11/1988	Chẩn đoán hình ảnh	401B	
2	04200770	LÊ THỊ LAN HƯƠNG	13/02/1981	Chẩn đoán hình ảnh	401B	
3	04200649	PHẠM VĂN THẮNG	10/07/1976	Chẩn đoán hình ảnh	401B	
4	04200608	NGUYỄN THỊ THU TRANG	05/06/1989	Chẩn đoán hình ảnh	401B	
5	04200900	VŨ XUÂN ÁNH	28/11/1989	Da liễu	401B	
6	04200219	LÊ THỊ HƯƠNG	10/09/1987	Da liễu	401B	
7	04201198	LƯU THÙY LINH	18/01/1983	Da liễu	401B	
8	04200562	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	13/12/1991	Da liễu	401B	
9	04200147	VŨ ĐỨC MẠNH	20/04/1994	Kỹ thuật y học	401B	
10	04200063	NGUYỄN TIẾN ĐỘ	06/10/1989	Ngoại khoa	401B	
11	04201231	HOÀNG TIẾN HẢI	22/02/1990	Ngoại khoa	401B	
12	04200257	HÀ VĂN QUỲNH	22/05/1990	Ngoại khoa	401B	
13	04200376	NGUYỄN HỮU THƠ	25/02/1989	Ngoại khoa	401B	
14	04200319	PHẠM XUÂN CHUNG	20/02/1991	Nhãn khoa	401B	
15	04201081	ĐẶNG VĂN THẮT	01/05/1989	Nhãn khoa	401B	
16	04201052	NGUYỄN THU HƯƠNG	19/07/1989	Răng - Hàm - Mặt	401B	
17	04200394	NGUYỄN THỊ DIỆU THUY	06/01/1990	Răng - Hàm - Mặt	401B	
18	04200734	NGUYỄN KHÁNH HÒA	20/02/1988	Sản phụ khoa	401B	
19	04200685	NGUYỄN CAO MẠNH	21/07/1990	Sản phụ khoa	401B	
20	04200112	CAO SĨ QUYỀN	15/08/1990	Sản phụ khoa	401B	
21	04200570	ĐÀO VĂN TOÀN	10/01/1986	Sản phụ khoa	401B	
22	04200507	NGUYỄN VĂN XÔ	12/12/1988	Sản phụ khoa	401B	
23	04200057	TRẦN ĐỨC NGỌC	18/07/1983	Tai - Mũi- Họng	401B	
24	04201111	NGUYỄN THỊ QUYÊN	23/04/1989	Tai - Mũi- Họng	401B	
25	04200258	ĐẶNG THỊ NHƯ TRANG	20/08/1992	Tai - Mũi- Họng	401B	
26	04200073	ĐẶNG HỮU TUẤN	18/02/1991	Tai - Mũi- Họng	401B	
27	04201108	ĐỒNG THỊ HÀ TRANG	14/09/1992	Ung thư	401B	

Tổng số: 27

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04201121	BÙI THỊ CHIÊN	06/05/1992	Chẩn đoán hình ảnh	402A	
2	04200224	NGUYỄN THỊ HÒA	06/02/1987	Chẩn đoán hình ảnh	402A	
3	04200233	TRẦN ĐẠI HUYNH	08/06/1992	Chẩn đoán hình ảnh	402A	
4	04200758	CÙ THỊ THẨM	01/01/1988	Da liễu	402A	
5	04201185	VÕ TIẾN THUẬN	14/02/1993	Da liễu	402A	
6	04201002	VŨ MẠNH TRUNG	07/09/1990	Hóa sinh Y học	402A	
7	04200931	CHU HỒNG VÂN	11/06/1992	Hóa sinh Y học	402A	
8	04200581	NGUYỄN TIẾN DŨNG	24/07/1990	Kỹ thuật y học	402A	
9	04200606	NGUYỄN VĂN MƯỜI	05/05/1990	Kỹ thuật y học	402A	
10	04200701	NGUYỄN CHÚC CÔNG	20/10/1991	Ngoại khoa	402A	
11	04200902	NGUYỄN DUY HỮU	15/05/1992	Ngoại khoa	402A	
12	04200998	NGUYỄN HIỆP MẠNH	06/06/1988	Ngoại khoa	402A	
13	04200766	HOÀNG VĂN QUYẾT	15/07/1986	Ngoại khoa	402A	
14	04200266	NGUYỄN VĂN TRUNG	29/07/1988	Ngoại khoa	402A	
15	04200569	VŨ THỊ QUỲNH ANH	26/09/1989	Nhãn khoa	402A	
16	04200686	LƯU THANH HẢI	16/06/1988	Nhãn khoa	402A	
17	04201013	DƯƠNG BIÊN HOÀ	24/12/1990	Nhãn khoa	402A	
18	04201063	ĐOÀN THỊ KHUYỀN	28/12/1991	Nhãn khoa	402A	
19	04200828	NGUYỄN THỊ QUẾ	08/05/1987	Nhãn khoa	402A	
20	04200435	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	15/12/1988	Răng - Hàm - Mặt	402A	
21	04201283	HÀ THỊ NGUỒN	19/08/1990	Răng - Hàm - Mặt	402A	
22	04201284	LÊ THỊ THỦY	18/12/1983	Răng - Hàm - Mặt	402A	
23	04200831	TRẦN VĂN CƯỜNG	10/06/1986	Sản phụ khoa	402A	
24	04200668	PHẠM THỊ HẰNG	19/12/1989	Sản phụ khoa	402A	
25	04200869	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	10/08/1991	Tai - Mũi - Họng	402A	
26	04201214	NGUYỄN THỊ HẰNG	28/04/1976	Tai - Mũi - Họng	402A	
27	04200106	ĐỖ NGỌC HUÂN	16/03/1988	Tai - Mũi - Họng	402A	
28	04200582	LÊ TUẤN ANH	10/04/1989	Ung thư	402A	
29	04200101	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG THI	26/08/1990	Ung thư	402A	

Tổng số: 29

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200962	ĐINH QUANG HUY	16/06/1986	Chẩn đoán hình ảnh	402B	
2	04200896	NGUYỄN VĂN HUY	10/08/1975	Chẩn đoán hình ảnh	402B	
3	04200791	NGUYỄN BÁ TÌNH	02/10/1989	Chẩn đoán hình ảnh	402B	
4	04200048	NGUYỄN VĂN HẢO	19/08/1988	Da liễu	402B	
5	04200430	BẠC THỊ LOAN	11/12/1986	Giải phẫu bệnh	402B	
6	04200815	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	24/08/1987	Ngoại khoa	402B	
7	04200603	HÀ NGỌC CƯỜNG	17/05/1992	Ngoại khoa	402B	
8	04200082	HOÀNG HẢI ĐĂNG	15/12/1991	Ngoại khoa	402B	
9	04200416	NGÔ HỮU DIỆN	09/10/1992	Ngoại khoa	402B	
10	04200987	ĐÀO NGỌC DŨNG	20/09/1993	Ngoại khoa	402B	
11	04200538	PHẠM VĂN HÙNG	23/08/1991	Ngoại khoa	402B	
12	04200673	HOÀNG VĂN HUY	16/07/1986	Ngoại khoa	402B	
13	04200011	PHẠM VĂN TỈNH	05/01/1990	Ngoại khoa	402B	
14	04201221	LÃ THỊ QUỲNH THƯƠNG	21/11/1985	Nhãn khoa	402B	
15	04201107	VŨ THU THỦY	12/04/1989	Nhãn khoa	402B	
16	04200146	NGUYỄN HOÀNG MINH	04/04/1991	Phẫu thuật tạo hình	402B	
17	04201095	LÊ HỒNG TUẦN	02/12/1991	Răng - Hàm - Mặt	402B	
18	04200762	HÀ ĐỨC VIỆT	08/10/1993	Răng - Hàm - Mặt	402B	
19	04200218	TRẦN THỊ KIM CHI	07/09/1992	Sản phụ khoa	402B	
20	04200644	NGUYỄN VĂN GIÁP	13/01/1989	Sản phụ khoa	402B	
21	04200812	LÊ THỊ THU HÒA	14/11/1989	Sản phụ khoa	402B	
22	04200996	PHẠM THỊ HỒNG	10/10/1988	Sản phụ khoa	402B	
23	04200275	NGUYỄN VĂN MỸ	24/02/1992	Sản phụ khoa	402B	
24	04200624	BẢO THANH TÚ	06/09/1991	Sản phụ khoa	402B	
25	04201012	TẠ LÊ HẰNG	19/04/1991	Tai - Mũi - Họng	402B	
26	04200826	NGUYỄN PHƯƠNG LY	15/08/1987	Tai - Mũi - Họng	402B	
27	04200925	TRẦN THỊ QUỲNH MAI	08/02/1990	Tai - Mũi - Họng	402B	
28	04200557	TRẦN VŨ NHƯ QUỲNH	27/05/1985	Tai - Mũi - Họng	402B	
29	04200316	ĐÀO THỊ XUÂN	18/10/1986	Tai - Mũi - Họng	402B	
30	04200320	BÙI TRUNG VINH	05/07/1987	Truyền nhiễm & CBNĐ	402B	

Tổng số: 30

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200753	LÊ ĐỨC ANH	24/01/1992	Chẩn đoán hình ảnh	403A	
2	04200025	PHẠM THỊ HẢI HÀ	27/10/1989	Chẩn đoán hình ảnh	403A	
3	04201243	CẦN THỊ THU HIỀN	02/05/1986	Chẩn đoán hình ảnh	403A	
4	04201124	NGUYỄN THỊ MAI LAN	11/11/1991	Chẩn đoán hình ảnh	403A	
5	04201043	NGUYỄN VĂN MÃO	11/02/1975	Chẩn đoán hình ảnh	403A	
6	04200119	NGUYỄN THANH TẤN	26/08/1985	Chẩn đoán hình ảnh	403A	
7	04200690	TRẦN THỊ YẾN	15/07/1993	Chẩn đoán hình ảnh	403A	
8	04200463	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	09/11/1990	Da liễu	403A	
9	04200283	NGUYỄN VĂN THANH	06/09/1970	Giải phẫu bệnh	403A	
10	04201057	PHẠM HẢI NAM	30/10/1988	Kỹ thuật y học	403A	
11	04200176	BÙI VĂN HẢI	01/08/1993	Ngoại khoa	403A	
12	04201150	CHU THANH HIỀN	10/06/1990	Ngoại khoa	403A	
13	04200890	NGUYỄN HUY HOÀNG	04/08/1992	Ngoại khoa	403A	
14	04200600	PHAN VĂN LỘC	27/11/1987	Ngoại khoa	403A	
15	04200677	TRẦN QUỐC ÁNH	02/04/1978	Nhãn khoa	403A	
16	04201187	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/01/1988	Nhãn khoa	403A	
17	04200248	NGUYỄN THU HƯỜNG	15/05/1982	Sản phụ khoa	403A	
18	04200515	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	25/12/1992	Sản phụ khoa	403A	
19	04201078	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	21/10/1989	Sản phụ khoa	403A	
20	04200171	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	14/01/1983	Tai - Mũi - Họng	403A	
21	04201094	PHẠM HUY HÀ	15/03/1990	Tai - Mũi - Họng	403A	
22	04200653	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	24/06/1991	Tai - Mũi - Họng	403A	
23	04200169	PHẠM VIỆT QUÂN	16/06/1990	Tai - Mũi - Họng	403A	
24	04200853	DƯƠNG NGÔ THƯ	21/11/1991	Tai - Mũi - Họng	403A	
25	04200891	BÙI THỊ THỦY	02/02/1990	Tai - Mũi - Họng	403A	
26	04200794	VI THỊ QUỲNH TRANG	02/11/1988	Tai - Mũi - Họng	403A	
27	04200990	LÊ VĂN HƯNG	02/10/1993	Truyền nhiễm & CBNĐ	403A	
28	04200545	NGUYỄN THỊ HẰNG	29/10/1991	Ung thư	403A	

Tổng số: 28

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200723	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	09/09/1990	Chẩn đoán hình ảnh	403B	
2	04200133	NGUYỄN TRUNG HOÀNG	02/12/1987	Chẩn đoán hình ảnh	403B	
3	04200139	NGUYỄN VĂN HÙNG	19/12/1987	Chẩn đoán hình ảnh	403B	
4	04200265	NGUYỄN MẠNH HƯNG	27/08/1991	Chẩn đoán hình ảnh	403B	
5	04200400	LÊ THỊ NHƯỜNG	10/03/1986	Chẩn đoán hình ảnh	403B	
6	04201092	NGUYỄN THỊ THÙY	01/03/1988	Chẩn đoán hình ảnh	403B	
7	04200019	NGUYỄN THANH NGÀ	19/10/1978	Da liễu	403B	
8	04200542	TRẦN THỊ THU	27/07/1992	Da liễu	403B	
9	04200537	ĐỖ MINH CHÂU	24/02/1991	Ngoại khoa	403B	
10	04200285	MAI KHẮC HÀ	12/08/1987	Ngoại khoa	403B	
11	04200689	LÊ ĐỨC QUANG	08/03/1991	Ngoại khoa	403B	
12	04200755	NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN	04/09/1993	Ngoại khoa	403B	
13	04200856	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG NGÀ	08/11/1985	Nhân khoa	403B	
14	04200327	BÙI THỊ THANH NHÂN	28/10/1989	Nhân khoa	403B	
15	04200475	TRẦN THỊ PHƯƠNG HÒA	19/10/1988	Răng - Hàm - Mặt	403B	
16	04200568	TRỊNH TUẤN NAM	08/03/1991	Răng - Hàm - Mặt	403B	
17	04201250	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	03/02/1985	Sản phụ khoa	403B	
18	04200140	HOÀNG NHƯ OANH	26/09/1987	Sản phụ khoa	403B	
19	04200754	GIÀNG THỊ SÍ	06/10/1992	Sản phụ khoa	403B	
20	04200353	LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG	18/12/1989	Tai - Mũi - Họng	403B	
21	04200663	TÔ VĨNH LONG	30/11/1988	Tai - Mũi - Họng	403B	
22	04201222	ĐÀM VĂN MINH	27/01/1990	Tai - Mũi - Họng	403B	
23	04200903	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	09/01/1981	Tai - Mũi - Họng	403B	
24	04200481	ĐOÀN QUANG THẢO	02/01/1980	Tai - Mũi - Họng	403B	
25	04200543	NGUYỄN VĂN THOẠI	16/08/1989	Tai - Mũi - Họng	403B	
26	04200680	ĐỖ THỊ XUÂN	24/12/1987	Tai - Mũi - Họng	403B	
27	04200292	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	14/01/1985	Truyền nhiễm & CBNĐ	403B	
28	04200540	VI THÀNH LONG	01/07/1990	Ung thư	403B	
29	04200639	PHẠM THỊ THANH MINH	15/09/1990	Ung thư	403B	
30	04200632	VŨ DUY TÂN	01/11/1990	Ung thư	403B	

Tổng số: 30

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
1	04200154	NGUYỄN MINH ĐỨC	24/04/1987	Chẩn đoán hình ảnh	404A	
2	04200411	ĐINH THỊ NHUNG	13/12/1988	Chẩn đoán hình ảnh	404A	
3	04200688	PHẠM VĂN QUẾ	11/11/1986	Chẩn đoán hình ảnh	404A	
4	04200364	TRẦN THỊ TÚ TÂM	29/03/1993	Chẩn đoán hình ảnh	404A	
5	04200132	NGUYỄN TĂNG THƯỜNG	01/08/1976	Chẩn đoán hình ảnh	404A	
6	04200547	HOÀNG THU HẰNG	08/08/1991	Da liễu	404A	
7	04200883	NGUYỄN THỊ LIÊN	09/02/1981	Da liễu	404A	
8	04200252	VŨ THỊ HUẾ	30/06/1985	Hóa sinh Y học	404A	
9	04200061	LƯU TUẤN ANH	28/06/1990	Ngoại khoa	404A	
10	04201016	HÀ VIẾT CƯỜNG	28/04/1981	Ngoại khoa	404A	
11	04200576	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/06/1989	Ngoại khoa	404A	
12	04200988	PHẠM MINH HOÀNG	28/04/1990	Ngoại khoa	404A	
13	04201167	LÊ QUANG HUY	21/11/1990	Ngoại khoa	404A	
14	04201025	PHẠM DUY NGHIỆP	26/09/1988	Ngoại khoa	404A	
15	04200020	VŨ LÊ TRUNG	01/06/1993	Ngoại khoa	404A	
16	04200259	BÙI VĂN CẢNH	30/03/1989	Nhãn khoa	404A	
17	04200951	VŨ VĂN ĐIỆP	12/09/1991	Nhãn khoa	404A	
18	04200389	NGUYỄN XUÂN HIẾU	25/10/1991	Phẫu thuật tạo hình	404A	
19	04201088	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	25/12/1991	Răng - Hàm - Mặt	404A	
20	04200841	PHẠM THỊ HOA	18/01/1991	Răng - Hàm - Mặt	404A	
21	04200852	HOÀNG THỊ MINH PHƯƠNG	03/09/1988	Răng - Hàm - Mặt	404A	
22	04201282	TRỊNH TIẾN QUÂN	15/09/1984	Răng - Hàm - Mặt	404A	
23	04201200	NGUYỄN VĂN CHĂM	05/02/1991	Sản phụ khoa	404A	
24	04200276	LÊ THỊ CƯƠNG	01/01/1980	Sản phụ khoa	404A	
25	04200966	NGUYỄN HOÀNG HẢO	29/07/1991	Sản phụ khoa	404A	
26	04200235	LÊ VĂN HIẾU	28/04/1990	Sản phụ khoa	404A	
27	04200056	NGUYỄN PHƯƠNG LÊ	30/09/1988	Sản phụ khoa	404A	
28	04200740	LÊ THỊ PHƯƠNG THUY	13/09/1984	Sản phụ khoa	404A	
29	04201067	TRỊNH THỊ BÍCH THUY	25/08/1993	Sản phụ khoa	404A	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên Ngành	Phòng thi	Ký nhận thẻ
30	04200744	TRỊNH XUÂN TOÀN	21/08/1992	Sản phụ khoa	404A	
31	04200851	NGUYỄN VĂN HƯNG	26/05/1989	Tai - Mũi- Họng	404A	
32	04200246	NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG	19/05/1985	Tai - Mũi- Họng	404A	
33	04201189	LƯƠNG THỊ NINH	04/06/1988	Vi sinh y học	404A	

Tổng số: 33

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2